TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Bản án số: 22 /2019/DS - PT.
Ngày: 18 - 4 - 2019
"V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự cho vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn
Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Thành
Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử P thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2018/TLPT- DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự cho vay".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2018/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số: 23/2019/QĐXXPT - DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1 - NgU đơn: Ông Lưu Vĩnh P – sinh năm 1950 (chết)

Địa chỉ: Khu 4, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1.1- Bà Phan Thị C – sinh năm 1952 (vợ ông P).

1.2 - Chị Lưu N – sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 4 , huyện T, tỉnh Phú Thọ.

1.3 - Anh Lưu N S– sinh năm 1979.

1.4 - Anh Lưu Văn T – sinh năm 1975.

Đều ở địa chỉ: Khu 9, xã C, TP V, tỉnh Phú thọ.

1.5 - Chị Lưu Thị L– sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 31, phường Hàng B, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

1.6 - Chị Lưu Thị B – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường 2,thị xã Q, tỉnh Q.

** Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng trên đều ủy quyền cho ông Lưu Vĩnh T - sinh năm 1968, địa chỉ: Khu 4, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia tố tụng (ông T có mặt).*

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ngU đơn: Luật sư Tạ Hồng C - Văn phòng luật sư Phú Thọ & cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2 - Bị đơn: Công ty Cổ phần pin ắc quy Vĩnh Phú.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Hữu U – Chủ tịch HĐQT. Địa chỉ: Khu 1, xã Chu Hóa, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3 - Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (đều có mặt):

1/ Ông Lê Văn C – sinh năm 1955 (NgU Tổng giám đốc Công ty CP pin ắc quy Vĩnh Phú).

Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2/ Bà Trần Thục B, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu 2, TT Hùng Sơn, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3/ Ông Lưu Vĩnh T – sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu 4, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

4 - Người kháng cáo: Ông Đào Hữu U – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện và lời khai của ngU đơn là ông Lưu Vĩnh P và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Xuất phát từ yêu cầu vốn để sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần pin ắc quy Vĩnh Phú (đ- ợc viết tắt làVibaco) đã có chủ trương huy động vốn trong cán bộ công nhân viên và trong xã hội.Với mục đích hỗ trợ, giúp đỡ Công ty Vibaco mở rộng sản xuất, tăng sản lượng sản phẩm, ông P đã ký hợp đồng vay vốn (ngU tắc) số 127b/2013/HĐVV ngày 20/5/2013 với Công ty Vibaco. Nội dung ông P cho công ty vay 1.000.000.000đ với lãi suất theo lãi suất tiền vay của Ngân hàng. Thời hạn kể từ ngày ông P chuyển tiền vào tài khoản của công ty, không xác định thời hạn trả nhưng có thỏa thuận tại điểm 7.2 Điều 7 của Hợp đồng khi tôi có nhu cầu tiền sẽ thông báo cho công ty trước 15 ngày. Đồng thời có thỏa thuận ngoài là công ty có nhu cầu vốn ông P có thể cho vay ngoài số tiền cam kết cho vay 1.000.000.000đ ghi trong Hợp đồng.

Việc thực hiện hợp đồng vay vốn số 127b/2013/HĐVV được thực hiện giao dịch qua các năm 2013, 2014, 2015. Toàn bộ số tiền ông P chuyển cho công ty vay trên cơ sở là tiền vay của cá nhân ông Phúc tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Đền Hùng, ông P yêu cầu Ngân hàng chuyển vào Tài khoản của công ty số 102010000253288. Ngân hàng ghi nội dung: Trả tiền hàng bởi vì ông là hộ kinh doanh khác có hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP công th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng - Phòng giao dịch ắc quy tại Lâm thao - Phú Thọ. Do ông không sử dụng hết hạn mức vốn vay tại Ngân hàng TMCP công th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng - Phòng giao dịch ắc quy nên công ty có ký hợp đồng vay vốn với ông trên cơ sở ông vay Ngân hàng rồi cho công ty vay lại. Việc giải ngân của Ngân hàng ghi chuyển tiền hàng nh- ng thực chất không phải chuyển tiền hàng mà là chuyển tiền theo hợp đồng vay vốn.

Về việc ủy quyền thanh toán tiền hàng cho em trai ông là L- u Vĩnh Thiện là Giám đốc chi nhánh công ty tại Quảng Ninh. Th- ờng thì khi công ty thanh toán tiền cho ông, ông lại nộp trừ tiền hàng luôn cho chi nhánh Quảng Ninh do em trai làm đại diện. Từ tháng 6/2016 em ông bị cách chức Giám đốc chi nhánh Quảng Ninh, đến tháng 12/2016 bị sa thải. Công ty đã thay đổi ng- ời đại diện tại chi nhánh Quảng Ninh. Do đó, ông không thể trả tiền hàng thay cho chi nhánh khi ng- ời đại diện không phải là em trai ông. Còn đối với các giấy tờ nộp tiền, phiếu thu, giấy đề nghị thanh toán, *phiếu chi đề ngày 31/10/2015 số tiền 616.000.000 đồng và các cá nhân có trách nhiệm khác ch□a ký, không có giá trị Bản thân Báo cáo tài chính, chi tiết công nợ không phản ánh các mục này.*

Ông Phúc cho công ty vay vốn với mục đích hỗ trợ công ty mà không cần bất kỳ khoản thế chấp nào do ông Phúc tin tưởng vào ban lãnh đạo của Công ty lúc đó. Cũng C bởi sự tin tưởng đó cho nên ông ký hợp đồng và các giấy tờ liên quan việc cho công ty vay vốn với đầy đủ thông tin và chữ ký, sau đó gửi lại phòng Tài C giữ hộ và để theo dõi giúp ông.

Số tiền ông Phúc đã chuyển vào tài khoản của công ty qua các năm 2013, năm 2014 và năm 2015 với tổng số tiền là 4.136.000.000 đảng. Số tiền công ty đã thanh toán cho ông Phúc qua các năm 2013, năm 2014 và năm 2015 với tổng số tiền là: 3.046.000.000đ. Như vậy, công ty còn nợ ông Phúc số tiền gốc là: 1.090.000.000 đồng. Đã nhiều lần ông Phúc có giấy đề nghị công ty thanh toán nhưng đến nay Công ty Vibaco chưa có biện pháp giải quyết. Do vậy ông đề nghị Tòa án xử buộc Công ty Vibaco phải có nghĩa vụ trả cho ông 1.090.000.000đ tiền gốc và tiền lãi trong hạn từ ngày 01/10/2015 đến 10/01/2018 là 0,75%/tháng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/01/2018 đến ngày 28/9/2018 là 1,125%/tháng. Tổng cộng cả tiền gốc + tiền lãi trong hạn và quá hạn là: 1.410.323.750 đồng.

+ Công ty cổ phần pin ắc quy Vĩnh Phú, ông Đào Hữu U trình bày:

Ngày 03/11/2015 Ban giám đốc mới lên điều hành Công ty trong điều kiện tình hình tài C của Công ty cạn kiệt, sản xuất kinh doanh gặp muôn vàn khó khăn, không có tiền mua ngU vật liệu để sản xuất. Trong khi đó Ban lãnh đạo tiền nhiệm đã ký hợp đồng vay vốn với nhiều cá nhân trong đó có ông Lưu Vĩnh P. Hiện nay Công ty cổ phần Pin Ắc quy Vĩnh Phú chưa xác định được nguồn tiền vay của ông Lưu Vĩnh P đã đi về đâu? Ngoài ra các hợp đồng vay vốn do Ban lãnh đạo tiền nhiệm ký với ông Lưu Vĩnh P đều sai quy chế tài C của Công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Tất cả các hợp đồng vay vốn đều không được thông qua Hội đồng quản trị và không được sự nhất trí của Hội đồng quản trị (Ban lãnh đạo tiền nhiệm đã vi phạm: Điểm e Khoản 2 Điều 47 Điều lệ Công ty; Khoản 8.7 Điều 8 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013; Khoản 5 Điều 8 Quy chế tài C năm 2013 của Công ty) và còn nhiều sai phạm trong quản lý tài C.

Hợp đồng vay vốn số 127B/2013/HĐVV giữa Công ty cổ phần Pin Ắc quy Vĩnh Phú và ông Lưu Vĩnh P không có ngày tháng, không có chữ ký của bên cho vay, không xác định ngày cho vay và ngày trả nợ, lãi suất cho vay không có số liệu cụ thể: Biên bản xác nhận công nợ ngày 15/01/2014: Tại thời

điểm ngày 31/12/2013 Công ty cổ phần Pin Ắc quy Vĩnh Phú nợ ông Lưu Vĩnh P số tiền: 740.000.000đ. Đến ngày 26/02/2015, Biên bản xác nhận công nợ: Tại thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty cổ phần Pin Ắc quy Vĩnh Phú chỉ còn nợ ông Lưu Vĩnh P số tiền: 50.000.000đ. Trong năm 2015, Công ty cổ phần Pin Ắc quy Vĩnh Phú không có hợp đồng vay vốn nào với ông Lưu Vĩnh P. Tất cả các lệnh chi trong năm 2015 do C ông Lưu Vĩnh P ký đều ghi ông Lưu Vĩnh P trả tiền hàng và sao kê ngân hàng ghi ông Lưu Vĩnh P chuyển tiền hàng.

Bảng kê chi tiết công nợ huy động vốn năm 2015 với số dư: 1.090.000.000đ được Ban lãnh đạo đương nhiệm công ty ký ngày 24/11/2017 với mục đích hai bên cùng kiểm tra, đối chiếu số liệu phát sinh, không phải là biên bản xác nhận số dư huy động vốn của công ty với ông Lưu Vĩnh P; Giấy ủy quyền ngày 07/10/2016, ông Phúc ủy quyền cho ông Thiện giải quyết số tiền mà ông đã vay hộ Công ty cổ phần pin ắc quy Vĩnh Phú đến ngày 31/10/2015 thanh toán trừ vào công nợ chi nhánh Quảng Ninh; Giấy nộp tiền (ông P nộp tiền hàng thay ông T) ngày 31/10/2015; Phiếu thu số 351 (ông Lưu Vĩnh P nộp tiền hàng thay ông Lưu Vĩnh T) ngày 31/10/2015; Giấy xin rút tiền huy động vốn của ông Lưu Vĩnh P ngày 31/10/2015; Phiếu chi số 887 (Trả tiền huy động vốn cho ông Lưu Vĩnh P) ngày 31/10/2015, cùng một số tiền là 616.000.000,đồng nhưng trong một ngày 31/10/2015 ông Lưu Vĩnh P vừa nộp tiền hàng thay cho ông Lưu Vĩnh T song lại rút tiền huy động vốn của ông Lưu Vĩnh P, số tiền trên đã được hạch toán và ghi vào sổ quỹ của Công ty, nhưng cả 4 loại giấy tờ trên đều không có chữ ký của người nộp tiền, người nhận tiền, thủ quỹ, kế toán và Thủ trưởng đơn vị, điều đó trái với quy chế tài C của Công ty và quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần Pin Ắc quy Vĩnh Phú đã có công văn số 13/CV-AQVP ngày 12/01/2018 trả lời ông Lưu Vĩnh P về số tiền huy động vốn và mời ông P về Công ty làm việc hoặc cung cấp đầy đủ hợp đồng vay vốn, phiếu thu để Công ty có căn cứ giải quyết với ông P theo đúng quy chế tài C và quy định của pháp luật, và Công ty cũng yêu cầu ông P có văn bản cam kết trả tiền hàng thay cho ông Lưu Vĩnh T, Công ty sẽ quyết toán bù trừ công nợ cho ông Lưu Vĩnh T. Song mọi đề nghị và yêu cầu của Công ty cổ phần Pin Ắc quy Vĩnh Phú đều không nhận được phản hồi từ ông P. Từ những tài liệu lưu tại Công ty và mối quan hệ gia đình giữa ông P, ông T và bà Đặng Thị Thanh Hương, Công ty nhận thấy có nhiều dấu hiệu không bình thường. Số tiền ông P chuyển vào Công ty là tiền hàng của Công ty vì trong năm 2015 Công ty không hề có hợp đồng vay vốn nào với ông P. Do đó số tiền ông P kiện là không có cơ sở và trái với quy định của pháp luật, Công ty không thể chấp nhận là tiền vay vốn mà chỉ coi là tiền hàng. Do vậy công ty đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn C trình bày: Ông được bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty cổ phần pin ắc quy Vĩnh Phú từ tháng 01/2012 đến tháng 10/2015. Trong thời gian ông được bổ nhiệm tổng giám đốc công ty liên tục phát triển, doanh thu năm sau hơn năm trước. Do vậy nhu cầu về vốn tăng trong khi hạn mức vay của ngân hàng thương mại không tăng. Do đó, tổng giám đốc đã phải huy

động vốn nhàn dỗi trong cán bộ công nhân viên và người dân dựa trên các căn cứ sau: Căn cứ khoản 1 Điều 56 phân cấp quyền hạn tài C của Điều lệ công ty về phân cấp tài C cho Tổng Giám đốc. Căn cứ biên bản số 03/BB-HĐQT ngày 18/5/2013 của Hội đồng quản trị Công ty về huy động vốn đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Nh- vậy, việc huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh là đúng quy định. Khi huy động vốn Công ty đã ký các hợp đồng và làm các thủ tục cần thiết đảm bảo quyền lợi cho bên vay và bên cho vay theo quy định của Nhà n- ớc. Ngày 20/5/2013 Công ty đã ký hợp đồng vay vốn số 127B/2013/HĐVV với ông L- u Vĩnh Phúc vay số tiền 1.000.000.000đồng. Hợp đồng mang tính nguyên tắc và hạn mức, tạo điều kiện thuận lợi cho việc gửi tiền và rút tiền đ- ợc nhanh chóng đễ dàng phù hợp với điều kiện cụ thể của hai bên.

Hợp đồng số 127B/2013/HĐVV ngày 20/5/2013 đ- ợc duy trì cho đến hết tháng 10/2015 mà ch- a có văn bản nào thay thế. Việc thực hiện hợp đồng trong suốt từ 2013 đến hết tháng 10/2015 nh- sau:

Về nợ gốc: Tổng số tiền ông Phúc chuyển cho vay là 4.136.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty đã trả là 3.046.000.000 đồng. Công ty còn nợ là 1.090.000.000 đồng. Công ty đã thanh toán tiền lãi đến hết tháng 9/2015. Từ tháng 10/2015 đến nay Công ty ch- a thanh toán. Toàn bộ số tiền Công ty vay của ông Phúc đã đ- ợc sử dụng đúng mục đích là bổ sung vốn l- u động. Do ông Phúc có sự tin t- ởng và tín nhiệm ban lãnh đạo Công ty nên ông đã vay tiền của Ngân hàng bằng hạn mức tín dụng của ông, ông đã cho Công ty vay mà không cần tài sản thế chấp. Nay ông Phúc khởi kiện buộc công ty cổ phần pin ắc quy Vĩnh Phú phải thanh toán trả ông Phúc số tiền gốc 1.090.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có cơ sở đề nghị tòa án xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi cho ông Phúc.

Bà Trần Thục Bình trình bày: Trong thời gian bà làm tr- ởng phòng tài chính kế toán công ty, có phát sinh Hợp đồng vay vốn số 127B/2013/HĐVV ngày 20/5/2013 ký giữa công ty và ông Phúc hạn mức vay vốn là 1.000.000.000 đồng. Hợp đồng này duy trì từ khi ký cho đến tháng 10/2015 ch- a có văn bản nào thay thế. Công ty còn nợ ông Phúc số tiền là 1.090.000.000 đồng là đúng và đã đ- ợc xác nhận số d- ngày 31/10/2015. Căn cứ tài liệu số d- chi tiết huy động vốn năm 2015, 2016 và báo cáo tài chính hàng năm thì chính công ty cũng ghi nhận khoản nợ tiền vay của ông Phúc số tiền 1.090.000.000 đồng.Về tiền lãi: Công ty thanh toán hàng tháng và đã thanh toán đến hết tháng 9/2015. Từ tháng 9/2015 đến nay công ty ch- a thanh toán. Còn về nội dung tiền hàng ông Phúc không phát sinh mua bán gì với công ty. Ông Phúc là hộ kinh doanh khác có hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP công th- ơng Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng, ông không sử dụng hết hạn mức vốn vay tại Ngân hàng nên công ty có ký hợp đồng vay vốn của ông Phúc trên cơ sở ông Phúc vay Ngân hàng rồi cho công ty vay lại. Đề nghị tòa án xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi cho ông Phúc.

Ông Lưu Vĩnh T trình bày: Việc ông Phúc ủy quyền cho ông trừ nợ vào công nợ chi nhánh Quảng Ninh đến ngày 31/10/2015 là để hợp thức hóa số tiền mà ông Phúc đã chuyển tr- ớc đó cho chi nhánh Quảng Ninh. Trong bản khai chi tiết các khoản tiền của chi nhánh Quảng Ninh, phần cuối của bản

chi tiết, ông có đề nghị công ty chuyển số tiền của ông Phúc đã chuyển vào tài khoản của công ty đối trừ vào công nợ của chi nhánh Quảng Ninh theo giấy ủy quyền ngày 07/10/2016. Ông viết đề nghị nh- vậy cũng là mục đích hợp thức hóa số tiền mà ông Phúc đã chuyển cho công ty tr- ớc đó đã đ- ợc kế toán tiền nhiệm hoạch toán. Ngày 12/5/2016 ông đã có quyết định miễn nhiệm chức vụ Giám đốc - Chi nhánh Quảng Ninh. Vì vậy, *giấy ủy quyền ngày 07/10/2016 không có giá trị và ông Phúc cũng ch□a chuyển bất kỳ một khoản tiền nào cho chi nhánh Quảng Ninh vì thời điểm này ông không còn làm giám đốc chi nhánh nữa*. Vì vậy, ông đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471,473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L- u Vĩnh Phúc.

1/ Buộc Công ty cổ phần pin ắc quy Vĩnh Phú phải thanh toán trả cho ông L- u Vĩnh Phúc tổng số tiền là: 1.410.323.750 đồng (một tỷ bốn trăm m- ời triệu ba trăm hai m- ơi ba nghìn bảy trăm năm m- ơi đồng). Trong đó tiền gốc là. 1.090.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn là 320.323.750 đồng . Ngoài ra bản án còn tính án phí, tU quyền kháng cáo theo luật định.

+ Ngày 12/11/2018 ông Đào Hữu U có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những ng- ời tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Quan điểm về nội dung vụ án là không chấp nhận kháng cáo, giữ ngU án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về hình thức đơn kháng cáo của ông U: Đơn của ông làm trong hạn luật định, ông đại diện cho doanh nghiệp nhưng không đóng dấu của công ty, không ghi rõ họ tên, sau đó đã được bổ sung nên được coi là đơn hợp lệ, trong hạn luật định.

+ Trong thời gian xét xử P thẩm thì ông P chết, những người thừa kế quyền, nghĩa vụ đã thống nhất ủy quyền cho là ông Lưu Vĩnh T (em trai ông P) tham gia tố tụng, tuy ông T là người có quyền lợi liên quan nhưng không đối lập với ông P nên tư cách tham gia tố tụng của ông T được những người thừa kế quyền nghĩa vụ của ông P ủy quyền là phù hợp cần được chấp nhận.

[2] Xét về nội dung đơn kháng cáo của ông U: Đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Cụ thể trong đơn kháng cáo của ông nêu các vấn đề sau:

+ Phiếu chi số 887 ngày 31/10/2015 với nội dung "trả tiền huy động vốn" với số tiền 616.000.000đ phải được trừ vào tiền huiy động vốn của ông P, tuy nhiên cấp sơ thẩm đã xem xét, ông T đã giải trình rất rõ, khoản tiền này chưa được thanh toán, chưa có ai ký xuất, chưa có ai nhận tiền…nên không được chấp nhận (BL 211,212).

+ Ông UU trình bày: Trong hợp đồng không có chữ nào ghi là "hợp đồng ngU tắc, chỉ có giá trị trong một năm, trong năm 2015 ông P không ký hợp đồng vay vốn nào với công ty cổ phần pin ắc quy Vĩnh Phú…" Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong một số lời khai ông U trình bày công ty có nhận vay vốn của ông P nhưng không rõ nguồn tiền này đi đâu, nay ông lại nêu các lý do trên, nhưng rõ ràng là công ty đã huy động vốn của một số cá nhân, tổ chức để có vốn sản xuất, bản thân ông P không có nghĩa vụ phải chứng minh tiền công ty sử dụng như thế nào vì khi tiền của ông đã giao cho công ty thì ông P không có quyền kiểm soát số tiền này nữa. Trong hợp đồng đúng là không có chữ nào nêu là "Hợp đồng ngU tắc", tuy nhiên các năm 2013 đến 2014,2015 ông P vẫn chuyển tiền cho công ty qua ngân hàng, công ty vẫn nhận tiền đầy đủ, sử dụng mà không có ý kiến gì, các chứng từ vẫn được lưu giữ đầy đủ, vẫn có thống kê, báo cáo hàng năm là tiền vay của ông P. Cụ thể: Ban lãnh đạo và tr- ởng phòng tài chính kế toán công ty thời điểm đó đã thừa nhận công ty đó ký hợp đồng vay vốn số 127B/2013/HĐVV ngày 20/5/2013 với ông L- u Vĩnh Phúc, công ty vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Hợp đồng mang tính (nguyên tắc) hạn mức và Hợp đồng này đ- ợc duy trì cho đến hết tháng 10/2015 mà ch- a có văn bản nào thay thế (BL 117,124). Hơn nữa, biên bản xác nhận công nợ ngày 15/01/2014: Tại thời điểm ngày 31/12/2013 công ty cổ phần Pin Ắc quy Vĩnh Phú xác nhận còn nợ ông Lưu Vĩnh P; bảng kê chi tiết tiền huy động vốn năm 2013 và các lệnh chi của C công ty phát hành thể hiện số tiền chi trả cho ông Phúc là phù hợp với lời trình bày của ông Phúc và công ty cũng thừa nhận các lệnh chi ghi nội dung "trả tiền hàng" mà công ty nhận từ tài khoản của ông Phúc tại Ngân hàng đã đ- ợc kế toán hạch toán là tiền huy động vốn, biên bản xác nhận nợ, bảng kê chi tiết huy động vốn năm 2013, biên bản xác nhận nợ ngày 26/02/2015, bảng kê chi tiết công nợ huy động vốn năm 2015 phù hợp với số liệu thể hiện trong bảng kê số dư chi tiết tài khoản huy động vốn TK 3112 tại thời điểm 31/12/2015 và TK 3412 tại thời điểm 31/12/2016 cũng như các báo cáo tài chính hàng năm từ 2014 - 2017, cho năm tài C kết thúc mang tính pháp lý của Công ty cổ phần Pin Ắc quy Vĩnh Phú đã được Công ty xác nhận khoản nợ của ông Phúc. Về nội dung tiền hàng, phía Công ty cũng không đưa ra được chứng cứ gì khác chứng minh việc cá nhân ông Phúc mua hàng của Công ty (ông Uyên đã đ- ợc Tòa án sơ thẩm yêu cầu cung cấp chứng minh về vấn đề này nh- ng không chứng minh đ- ợc). Mặt khác, căn cứ vào báo cáo tài chính các năm do công ty lập đã đ- ợc kiểm toán thì chính ông Uyên là ng- ời đại điện của công ty cũng đã ghi nhận khoản nợ tiền vay của ông Phúc 1.090.000.000 đồng trên mục vay các cá nhân khác và vay nợ ngắn hạn và đã đ- ợc

Đại hội đồng cổ đông th- ờng niên năm 2017 thông qua là khoản vay chứ không phải tiền hàng (BL161, 163, 213,218 -221 đến 229; 294, 296 -304). Những ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nh- ông Chính, bà Bình đều xác nhận công ty không có phát sinh mua bán gì với cá nhân ông Phúc và công ty còn nợ ông Phúc số tiền 1.090.000.000 đồng là đúng. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L- u Vĩnh Phúc là phù hợp pháp luật.

+ Ông U trình bày công ty có 1 phiếu thu của ông Lưu Vĩnh T 380.000.000đ ngày 30/6/2015, nội dung nộp tiền hàng. Cùng ngày thì có một phiếu chi cho ông Lưu Vĩnh P 380.000.000đ, nội dung trả tiền huy động vốn (BL 510). Hai khoản tiền này có nội dung khác nhau, hai chủ thể khác nhau, ông P nhận lại tiền huy động vốn nhiều lần là đúng. Sau khi nhận tiền, ông P đã dùng khoản tiền này nộp thay cho ông T, đã được quyết toán tại công ty, do đó tại phiên tòa hôm nay ông U đã xin rút kháng cáo nội dung này.

+ Đối với ý kiến việc trả lãi của công ty cho ông P chưa được khấu trừ 5% để nộp thuế cho nhà nước, nội dung này không nằm trong phạm vi giải quyết vì từ cấp sơ thẩm ông U chưa đề nghị xem xét nên cấp P thẩm cũng không thể giải quyết là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, Ông U cũng xuất trình một số tài liệu, nhưng không làm thay đổi nội dung kháng cáo nào, nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông U được.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ ngU án sơ thẩm là phù hợp với pháp luật.

[5] Về án phí dân sự P thẩm: Ông U kháng cáo không đ- ợc chấp nhận thì phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471,473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Hữu U, giữ ngU bản án sơ thẩm.

+ Buộc Công ty cổ phần pin ắc quy Vĩnh Phú phải trả cho ông L- u Vĩnh Phúc tổng số tiền là: 1.410.323.750 đồng (một tỷ bốn trăm m- ời triệu ba trăm hai m- ơi ba nghìn bảy trăm năm m- ơi đồng). Trong đó tiền gốc là 1.090.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn là 320.323.750 đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi xuất chậm thanh toán theo quy định Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Tr□ờng hợp quyết định đ□ợc thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/ Về án phí P thẩm: Công ty cổ phần pin ắc quy Vĩnh Phú phải chịu 300.000đồng. Xác nhận công ty đã nộp 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì theo phiếu thu số AA/2018/0000324 ngày 17/10/2018.

+ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

+ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND thành phố Việt Trì.
- THADS thành phố Việt Trì..
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trường Sơn